TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÙ YÊN** **TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2024/HNGĐ-ST
Ngày 24-6-2024
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÙ YÊN, TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nam.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đinh Công Ó, bà Lê Thị Bống.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Lê Thị Bích Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La, tham gia phiên tòa: Bà Lường Thị Tuyến, Kiểm sát viên.

Ngày 24/6/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 01/2024/HNGĐ-ST ngày 04/4/2024 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2024/ QĐXXST-HNGĐ ngày 22/5/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2023/ QĐXXST-HNGĐ ngày 07/6/2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Vũ Thị T, sinh năm 1987, địa chỉ: Bản V, xã M, huyện P, tỉnh S. Có mặt.

2. *Bị đơn*: Anh Phạm Văn T, sinh năm 1980, địa chỉ: Bản V, xã M, huyện P, tỉnh S. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện và bản tự khai ngày 21/3/2024, bản tự khai bổ sung ngày 25/4/2024 và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Vũ Thị T trình bày như sau:

Chị và anh Phạm Văn T kết hôn với nhau vào ngày 14/7/2009 tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện P, tỉnh S. Việc kết hôn hoàn toàn tự nguyện. Cuộc sống chung của vợ chồng hoà thuận, hạnh phúc được khoảng một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, thường hay cãi nhau. Nguyên nhân là do anh chị bất đồng quan điểm sống. Mâu thuẫn đã được gia đình hai bên và chính quyền địa phương hòa giải nhưng không thành. Hai anh, chị sống ly thân từ năm 2022 cho đến nay. Hiện nay, chị đang đi làm thuê tại thành phố Hà Nội. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị Vũ Thị T làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phạm Văn T.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung là cháu Phạm Thị Minh P, sinh ngày 01/10/2009. Hiện nay, cháu P đang là học sinh tại xã M, huyện P và đang ở với anh T tại nhà của anh chị ở bản V, xã M, huyện P. Nếu ly hôn, chị nhất trí giao cháu P cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu P đủ 18 tuổi theo nguyện vọng của cháu và để thuận tiện cho việc học tập của cháu. Chị nhất trí cấp dưỡng cháu P 2.000.000 đồng/tháng kể từ tháng 7/2024.

Về tài sản chung, tài sản riêng và nợ chung: Anh chị tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 09/4/2024, bị đơn anh Phạm Văn T trình bày:

Anh chị kết hôn năm 2008. Trong quá trình chung sống có xảy ra mâu thuẫn nhưng không lớn. Anh T mong muốn được đoàn tụ với chị T. Về con chung, nếu ly hôn, anh yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phạm Thị Minh P và không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung, tài sản riêng và nợ chung: Anh, chị tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 08/4/2024, cháu Phạm Thị Minh P trình bày: Hiện nay, cháu đang sinh sống với anh Phạm Văn T tại bản V, xã M, huyện P. Nếu bố mẹ ly hôn, cháu có nguyện vọng ở với anh T.

Tại Biên bản xác minh ngày 08/4/2024 của Tòa án nhân dân huyện Phù yên, bà Đào Thị Phóng, Trưởng bản V, xác nhận: Vợ chồng anh T và chị T mâu thuẫn với nhau từ năm 2002. Nguyên nhân do áp lực kinh tế và bất đồng quan điểm sống. Chính quyền địa phương đã tiến hành hòa giải cho hai anh chị nhưng không thành. Cháu Phạm Thị Minh P hiện nay đang học lớp 9 Trường THCS M và đang ở với bố. Anh T làm nông nghiệp, thu nhập đủ chi tiêu. Tài sản hai vợ chồng có 01 ngôi nhà xây cấp 4 và đất vườn, đồi.

Tòa án đã triệu tập hòa giải nhưng vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được vì bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn cố tình vắng mặt.

Tại phiên tòa, Ý kiến của đại diện VKSND huyện Phù Yên như sau:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Áp dụng các Điều 55, 58, 59, 81, 82, 83, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án: Xử cho chị Vũ Thị T được ly hôn với anh Phạm Văn T. Giao cháu Phạm Thị Minh P cho anh Phạm Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động. Chị T phải cấp dưỡng nuôi con với mức 2.000.000 đồng/tháng. Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung:

Anh, chị tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về án phí: Chị Vũ Thị T phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Phạm Văn T đã được nhận các tài liệu gồm đơn khởi kiện, bản tự khai và các chứng cứ khác do nguyên đơn cung cấp. Tại phiên tòa sơ thẩm, anh T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Vì vậy, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh T.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

[2.1] Chị Vũ Thị T và anh Phạm Văn T đăng ký kết hôn ngày 14/7/2009 tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện P, tỉnh S. Khi đăng ký, anh chị đã đủ tuổi kết hôn và việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, không thuộc các trường hợp cấm kết hôn. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh T là hợp pháp.

[2.2] Cuộc sống chung của vợ chồng chị T anh T hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2022 thì phát sinh mẫu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cãi nhau. Mặc dù đã được hai bên gia đình và chính quyền địa phương hòa giải nhưng không thành. Anh chị đã ly thân từ đó đến nay, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân của chị T và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, có căn cứ chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T với anh T.

[3] Về con chung: Anh Phạm Văn T có nơi cư trú ổn định. Con chung của chị T, anh T là cháu Phạm Thị Minh P đã ở với anh T từ năm 2009 đến nay và có nguyện vọng tiếp tục ở với anh T. Anh T yêu cầu được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con. Chị T nhất trí với yêu cầu của anh T nhưng đề nghị được cấp dưỡng cho con 2.000.000 đồng/tháng. Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của cháu P, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao con chung cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi thành niên đủ 18 tuổi và có khả năng lao động và chấp nhận đề nghị của chị T về việc cấp dưỡng cho con.

[5] Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung: Hai anh chị tự thỏa thuận và không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[6] Về án phí: Chị Vũ Thị T phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Chị Vũ Thị T và anh Phạm Văn T có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83, 110, 116 và 117 Luật Hôn nhân và Gia đình;

khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016 /UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Vũ Thị T ly hôn anh Phạm Văn T.

2. Về con chung: Giao cháu Phạm Thị Minh P, sinh ngày 01/10/2009 cho anh Phạm Văn T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Không ai được cản trở quyền trông nom, thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau khi ly hôn.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Vũ Thị T có trách nhiệm cấp dưỡng cho cháu Phạm Thị Minh P mỗi tháng là 2.000.000 đồng *(hai triệu đồng)*, thời hạn cấp dưỡng kể từ tháng 7/2024 cho đến khi cháu Phạm Thị Minh P đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

3. Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung: Anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Vũ Thị T phải chịu 300.000 *(ba trăm nghìn)* đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 *(ba trăm nghìn)* đồng đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La theo biên lai thu tiền số: 0000532 ngày 03/4/2024.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án *(ngày 24/6/2024)*. Bị đơn vắng mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện Phù Yên;
- Chi cục THADS huyện Phù Yên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Nam